

Bản án số: 231/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2025

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 539/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2015; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐH-HNGĐ ngày 21/7/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: Đội 6 thôn Đ, phường T, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã A, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 18/12/1986; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, phường T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ hiện nay: Số nhà 7 đường Q, thị trấn H, huyện T, Đài Bắc, Đài Loan

(Chị T có mặt; anh L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu kèm theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 01/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì chị T đi Đài Loan lao động. Sau 1 năm thì anh L cũng sang làm việc tại Đài Loan, lúc đầu vợ chồng chưa phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2023, do mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhà chồng nên chị không muốn gặp anh L, dẫn tới

việc anh L nghi ngờ chị ngoại tình, ghen tuông mù quáng. Anh L còn có các hành động đe dọa tinh thần, tính mạng của chị, liên tục dùng những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Do xác định tình cảm không còn nên vào giữa năm 2024, chị cũng đã về Việt Nam để làm đơn ly hôn anh L nhưng còn vấn đề nuôi con chưa thống nhất nên chị tạm thời rút đơn để thỏa thuận. Tuy nhiên, đến nay, chị xác định không thể tìm được tiếng nói chung với anh L cùng với việc con chung đã lớn, chị đã tiếp tục làm đơn ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về quan hệ con chung: Chị T, anh L có 01 con chung là Nguyễn N, sinh ngày 18/6/2018. Hiện nay, cháu đang sống cùng ông bà nội (bố mẹ anh L). Do hoàn cảnh anh L đang lao động nước ngoài, chị T về Việt Nam từ tháng 6/2024 muốn đón con về nuôi nhưng ông bà nội không đồng ý. Hiện chị có điều kiện công việc, nơi ở ổn định nên chị đề nghị Tòa án chấp nhận giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Văn phòng Văn hóa Kinh tế Việt Nam tại Đài Bắc để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn L (trong đó có thông báo các thời điểm mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa) cùng đề nghị thu thập lời khai, chứng cứ của anh L. Văn phòng Văn hóa Kinh tế Việt Nam tại Đài Bắc đã thực hiện công việc được ủy thác tuy nhiên không nhận được phản hồi của anh L. Do đó, Văn phòng cũng đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở.

Tòa án làm việc với ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H là bố mẹ đẻ của anh L, xác định:

Về cơ bản việc kết hôn và chung sống của anh L chị T như chị T đã trình bày.

Ông bà xác định năm 2020, sau khi anh L đi sang Đài Loan lao động cùng chị T một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xích mích và đã sống ly thân với nhau. Năm 2024, khi chị T về nước thì về nhà mẹ đẻ ở không sống cùng ông bà. Thông qua trao đổi với anh L, ông bà biết được anh L cho rằng chị T có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác nên về Việt Nam để ly hôn, giành quyền nuôi con. Đến nay, việc ly hôn là do anh L, chị T tự quyết định và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh L có 01 con chung là Nguyễn N, sinh ngày 18/6/2018. Hiện nay, cháu đang sống cùng ông bà. Kể từ khi chị T về nước không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con mà chỉ có anh L gửi tiền về cho ông bà. Ông bà xác định hoàn toàn đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu nên đề nghị xem xét giao cháu để ông bà nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu.

Cháu Nguyễn N có nguyện vọng được ở với ông bà nội là ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh L. Chị đã về Việt Nam từ tháng 6 năm 2024, hiện làm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Credible Việt Nam, chị có đủ điều kiện về chỗ ở do được bố mẹ để cho nhà đất; chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn N cho chị nuôi dưỡng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thấy mâu thuẫn của chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh L. Về con chung, giao con chung cho chị T nuôi vì hiện anh L vẫn ở nước ngoài, chị T ở Việt Nam có đủ điều kiện nuôi con. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh L. Anh chị đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng); anh L đang ở nước ngoài tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, phiên tòa đã được mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 477 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn – anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 01/3/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2020, chị T đi lao động tại Đài Loan, sau đó 01 năm anh L cũng sang Đài Loan cùng làm ăn với chị T. Theo chị T cung cấp, do mâu thuẫn giữa chị T và gia đình anh L dẫn

tới việc chị sống ly thân với anh L. Kể từ đó, anh L nghi ngờ tình cảm của chị dẫn đến có những lời lẽ xúc phạm chị cùng gia đình, bên cạnh đó cũng có hành động đe dọa đến tính mạng, tinh thần của chị. Theo trình bày của bố mẹ anh L cũng xác định mặc dù không biết nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn giữa anh L, chị T, nhưng thông qua trao đổi thì anh L cho rằng chị T ngoại tình và anh chị đã sống ly thân với nhau. Như vậy, có cơ sở để xác định vì lý do anh L nghi ngờ tình cảm của chị T nên anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng dẫn tới đã sống ly thân từ lâu. Từ sau khi về Việt Nam, chị T đã làm đơn ly hôn với anh, tuy nhiên do vướng mắc vấn đề nuôi con nên chị rút lại đến nay lại tiếp tục nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện các biện pháp để thông báo cho anh L và thông báo làm việc với người thân là bố mẹ đẻ anh L về việc giải quyết vụ án cũng như mở các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là Nguyễn N, sinh ngày 18/6/2018, hiện đang ở với ông T1, bà H (bố mẹ đẻ anh L). Theo trình bày của ông T1, bà H xác định anh L vẫn đang làm ăn ở Đài Loan chưa về nước. Bên cạnh đó, chị T hiện ở Việt Nam, có điều kiện công việc, thu nhập, chỗ ở và có nguyện vọng tha thiết xin nuôi con. Mặc dù, cháu N đã trên 07 tuổi có quan điểm được ở cùng với ông bà nội, tuy nhiên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì quyền, nghĩa vụ cũng như trách nhiệm nuôi con chung là của bố mẹ, anh L không có điều kiện để trực tiếp nuôi con vì đang ở nước ngoài thì chị T phải có trách nhiệm nuôi con chung, không thể giao cho ông bà nội thực hiện. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là cháu Nguyễn N, sinh ngày 18/6/2018 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.1]. Trường hợp anh L vẫn có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, sau khi anh về nước ổn định thì anh vẫn có quyền được yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng con chung đối với cháu N, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn N, sinh ngày 18/6/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do chị đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 21/10/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005247. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường T, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến

